

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú.

2. Bà Hồ Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Phú Nhuận, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Phước, xã LA, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn Phú Nhuận, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/10/2016 là bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Nh, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn Phú Nhuận, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 30 tháng 3 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HG cũ (nay là xã HX), huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân của vợ chồng hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình anh tại Thôn Phú Nhuận, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Trong quá trình chung sống hơn 01 năm thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị H không biết tiết kiệm, số tiền anh đi làm gửi về thì chị H chi tiêu hết và cũng không nói rõ chi vào việc gì nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau và xúc phạm nhau. Thời gian 02 năm trở lại đây, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H làm gì đều không có bàn bạc, trao đổi với anh D. Tuy vợ chồng vẫn sống chung với nhau nhưng chị H không tin tưởng anh D, nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác và đã nhiều lần vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh D không còn tình cảm gì với chị H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2016, hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đang ở với vợ chồng. Sau khi ly hôn, anh D yêu cầu giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi và anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Lý do chị không nhận giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là do anh D tự ý viết đơn, mọi việc chị hoàn toàn không biết và không quan tâm việc anh D làm và chị không muốn ly hôn nên chị không nhận giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh D về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân của vợ chồng là tự nguyện và không bị ép buộc. Trong cuộc sống chung của vợ chồng việc ai người đó biết, không có bàn bạc với nhau về công việc gia đình, mỗi lần anh D đi đâu, làm gì thì chị có hỏi nhưng anh D trả lời “Đi mô kệ tao, không phải hỏi” và chị cũng không quan tâm đến công việc của anh D đang làm. Tuy nhiên, cuộc hôn nhân của vợ chồng có hạnh phúc, trong đời sống hôn nhân có xảy ra xích mích nhưng không đến mức mâu thuẫn trầm trọng nên chị H không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung, hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đang ở với vợ chồng chị như anh D trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn,

chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

** Bà Nguyễn Thị Suong - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A trình bày:*

Việc giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của cháu. Qua trao đổi với chị H, chị H không đến Tòa án làm việc với lý do là không mong muốn ly hôn với anh Nguyễn Thanh D, chị H xác định việc ly hôn là quyền của anh D, việc này chị không quan tâm, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị mong muốn được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đủ 18 tuổi. Qua xác minh, Trợ giúp viên pháp lý thấy rằng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/10/2016 hiện nay đang ở với vợ chồng anh D, mọi chi phí sinh hoạt và học tập của cháu Nguyễn Ngọc Bảo A hiện do chị H trực tiếp chăm lo; từ nhỏ cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đã gần gũi với chị H nhiều hơn anh D, cháu là cháu gái nên việc ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, anh D là nhân viên giao hàng nên thường xuyên đi lại việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Bảo A sẽ không đảm bảo. Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng/tháng so với mức thu nhập thực tế của anh D hiện tại là cao; anh D đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.800.000 đồng là phù hợp với điều kiện sinh sống của cháu Nguyễn Ngọc Bảo A tại địa bàn huyện Nam Đông, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng này.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 25, Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Thanh D được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận tự nguyện mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của anh D, về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1992 khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Phước, xã LA, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn Phú Nhuận, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; Về sự vắng mặt của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, người làm chứng: Qua xác minh, chị H hiện đang có mặt tại địa phương nhưng cố tình không tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các giấy triệu tập, thông báo theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa, ngày 21/3/2022 chị Hoa vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 06 tháng 4 năm 2022 nhưng chị H vẫn vắng mặt; đối với người làm chứng ông Nguyễn Nh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trước đó ông Nh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đã có lời khai trực tiếp, văn bản trình bày ý kiến với Tòa án nên không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HG cũ (nay là xã HX), huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của anh D và chị H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình anh D, quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không có biện pháp khắc phục, mặc dù sống chung với nhau nhưng vợ chồng không bàn bạc với nhau về công việc gia đình, không có tiếng nói chung và không tin tưởng lẫn nhau, việc ai người đó làm và không ai quan tâm gì đến nhau. Về phía chị H được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng chị H từ chối nhận văn bản và cũng không đến tham gia hòa giải tại Tòa án. Như vậy, chị H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều

72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc chị không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân, không muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh D và chị H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị H có 01 người con chung cháu tên là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2016, anh D yêu cầu giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị Hoa trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi. Tại biên bản lấy lời khai của chị H, chị cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A. Xét theo yêu cầu của anh D và chị H về nuôi con chung cũng như yêu cầu của Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, Hội đồng xét xử thấy: Hai bên cũng đã thống nhất việc giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ quyền lợi mọi mặt của con; theo kết quả xác minh thực tế cháu Nguyễn Ngọc Bảo A hiện đang sống chung với vợ chồng anh D, chị H; mọi chi phí sinh hoạt và học tập của cháu Nguyễn Ngọc Bảo A hiện do chị H trực tiếp chăm lo; từ nhỏ cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đã gần gũi với chị H nhiều hơn anh D, cháu là cháu gái nên việc ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, anh D là nhân viên giao hàng, tính chất công việc đặc thù là thường xuyên đi lại nên thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Bảo A sẽ không đảm bảo. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A mỗi tháng là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh D; về phía chị H yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A mỗi tháng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), chị H cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến chi phí nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đồng thời chị H cũng không đến Tòa án để làm việc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông; quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo A là có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D. Anh Nguyễn Thanh D được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo A đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thanh D chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002552 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh D còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Xuân;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Minh Thước